

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2014/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 10 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về Quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục
pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH₁₃ ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp bảo đảm thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp về việc quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Sau khi xem xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 10/BCTT-KT&NS ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua mức chi thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định *(Có Phụ lục kèm theo)*.

Những quy định khác liên quan đến việc chi thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp về việc Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 23/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X kỳ họp thứ 18 về việc Quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2014 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng

PHỤ LỤC**MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC
PHÁP LUẬT VÀ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI DÂN TẠI
CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND
ngày 10/7/2014 của HĐND tỉnh Bình Định)*

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
1	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
a	Xây dựng đề cương			
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương		<i>Tương đương mức chi soạn đề cương chi tiết dự thảo quyết định của UBND tại TTLT số 47/2012/TTLT-BTC-BTP (tiết b, K1, Đ 5: tối đa 850.000đ)</i>
	+ Cấp tỉnh		850	
	+ Cấp huyện		600	
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương		
	+ Cấp tỉnh		1.300	
	+ Cấp huyện		1.000	
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
	- Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch		
	+ Cấp tỉnh		2.000	<i>Tương đương với mức chi soạn thảo chỉ thị của UBND quy định tại Thông tư số 47/2012/TTLT/BTC-BTP (điểm c, khoản 2, Điều 5: 2.000.000đ)</i>
	+ Cấp huyện		1.500	
	- Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo		
	+ Cấp tỉnh		200	<i>Tương đương với mức chi tổng hợp báo cáo soạn thảo văn bản QPPL quy định tại Thông tư số 47/2012/TTLT/BTC-BTP (điểm a, khoản 3, Điều 5: 200.000đ)</i>
	+ Cấp huyện		150	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
c	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý			
	- Chủ trì	Người/buổi	150	<i>Bảng mức chi cuộc họp thẩm định đề cương, kế hoạch CCHC tại QĐ số 25/2013/QĐ-UBND (tiết b, điểm 1 của Phụ lục)</i>
	- Thành viên dự	Người/buổi	100	
d	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	400	<i>Bảng mức chi lấy ý kiến chuyên gia về kiểm soát thủ tục HC tại QĐ số 23/2013/QĐ-UBND (tiết b, điểm 5 của Phụ lục)</i>
đ	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	150	<i>Tương đương mức chi cuộc họp thẩm định đề cương, kế hoạch CCHC tại QĐ số 25/2013/QĐ-UBND (tiết b, điểm 1 của Phụ lục)</i>
	- Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	120	
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	
	- Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300	
	- Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200	
e	Lấy ý kiến thẩm định (Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch).	Bài viết	400	<i>Bảng với mức chi thẩm định chỉ thị của UBND quy định tại Thông tư số 47/2012/TTLT/BTC-BTP (tiết b, khoản 4, Điều 5)</i>
f	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	200	<i>Bảng với mức chi văn bản góp ý nghị quyết của HĐND, UBND quy định tại Thông tư số 47/2012/TTLT/BTC-BTP (tiết a, khoản 4, Điều 5)</i>
2	Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
a	Thù lao báo cáo viên cấp Trung ương, cấp tỉnh	Người/buổi	Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại tiểu mục 1.1 mục 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC	
b	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi		Tiết đ, điểm 1.1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC quy định mức chi cho báo cáo viên cấp huyện không quá 300.000đ/người/ buổi
	- Cấp huyện		300	
	- Cấp xã		200	
c	Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi	Tùy theo trình độ, áp dụng mức chi quy định tại điểm a, b của mục này	
d	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù.	Người/buổi	Được hưởng thêm 20% so với mức thù lao quy định tại điểm a,b,c mục này	
3	Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù			
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định).	Tờ gấp đã hoàn thành	1.000	
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định).	Tình huống đã hoàn thành	300	
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định).	Câu chuyện đã hoàn thành	1.500	
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia).	Tiểu phẩm đã hoàn thành	5.000	
4	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt			
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên	Người/ngày	30	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
	tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật (không quá 1 ngày).			
b	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt.	Người/ buổi	10	
5	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường			
a	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài).	Ngày	Tối đa 250% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	<i>Chỉ áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, g/dục p/luat</i>
b	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch).	Ngày	Tối đa 150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	
6	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi			
a	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác.		Áp dụng Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT -BTC- BGD&ĐT	
b	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:			
b.1	Thuê dẫn chương trình (Tùy theo quy mô, cấp tổ chức để quyết định mức thuê dẫn chương trình).	Người/ngày		
	- Cấp tỉnh		2.000	
	- Cấp huyện		1.500	
	- Cấp xã		1.000	
b.2	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu (Tùy theo quy mô, địa bàn tổ chức cuộc thi để quyết định mức thuê).	Ngày		Mức chi tối đa
	- Cấp tỉnh		8.000	
	- Cấp huyện		6.000	
	- Cấp xã		4.000	
b.3	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	300	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
b.4	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa. (<i>Đối với cuộc thi qua mạng điện tử</i>).		Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của BTC	
c	Chi giải thưởng (<i>Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi để quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt định mức chi tối đa quy định tại điểm này</i>).			
c.1	Cuộc thi quy mô cấp tỉnh			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		10.000	
	+ Cá nhân		6.000	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		7.000	
	+ Cá nhân		3.000	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		5.000	
	+ Cá nhân		2.000	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.000	
	+ Cá nhân		1.000	
	- Giải phụ khác		500	
c.2	Cuộc thi quy mô cấp huyện			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		7.000	
	+ Cá nhân		4.000	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		5.000	
	+ Cá nhân		2.000	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.500	
	+ Cá nhân		1.500	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
	+ Cá nhân		700	
	- Giải phụ khác		350	
c.3	Cuộc thi quy mô cấp xã			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		5.000	
	+ Cá nhân		3.000	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.500	
	+ Cá nhân		1.500	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.500	
	+ Cá nhân		1.000	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		1.500	
	+ Cá nhân		500	
	- Giải phụ khác		250	
7	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở			
a	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang	75	Tính theo trang chuẩn 350 từ
b	Bồi dưỡng phát thanh			
	- Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	15	
	- Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	20	
8	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật			
a	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hàng năm. (Theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ).	Tủ/năm	2.000	Mức chi tối đa
b	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần	100	
c	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người	50	
9	Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Chương trình, Đề án, Kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật			
a	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của	Báo cáo	50	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
	các Bộ, ngành, địa phương			
b	Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án	Văn bản	50	
c	Viết báo cáo		Mức chi tối đa	
c.1	Báo cáo tổng hợp trình, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo		Tùy theo khả năng nguồn kinh phí được giao và tùy theo loại báo cáo, Thủ trưởng đơn vị quyết định nhưng không vượt quá mức chi tối đa điểm c này. (Tương đương mức chi báo cáo theo đối thi hành pháp luật tại điểm d, khoản 3, Điều 5 Thông tư 47/2012/TTLT/BTC -BTP)
	- Cơ quan, đơn vị chủ trì tổng hợp báo cáo		3.000	
	- Cơ quan, đơn vị phối hợp báo cáo		500	
c.2	Báo cáo định kỳ hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương	Báo cáo		
	- Cơ quan, đơn vị chủ trì tổng hợp báo cáo		1.500	
	- Cơ quan, đơn vị phối hợp báo cáo		300	
c.3	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo		
	- Cơ quan, đơn vị chủ trì tổng hợp báo cáo		1.500	
	- Cơ quan, đơn vị phối hợp báo cáo		300	
c.4	- Báo cáo đột xuất	Báo cáo		
	- Cơ quan, đơn vị chủ trì tổng hợp báo cáo		800	
	- Cơ quan, đơn vị phối hợp báo cáo		200	
10	Chi khen thưởng xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã, phường); quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là quận, huyện); tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh, thành phố)		Áp dụng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành	
a	Khen thưởng xã - phường; quận - huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận đạt chuẩn; tỉnh - thành phố được Bộ Tư pháp công nhận đạt chuẩn	Tương đương tập thể lao động xuất sắc	Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở	
b	Khen thưởng xã - phường được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tặng Bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật cấp tỉnh; xã - phường, quận - huyện, tỉnh - thành phố được Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật toàn quốc	Bằng khen	Bằng 2 lần mức lương cơ sở	
c	Khen thưởng xã - phường, quận - huyện, tỉnh - thành phố được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật toàn quốc	Bằng khen	Bằng 3 lần mức lương cơ sở	

Ghi chú: Khi các văn bản viện dẫn được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới./.